TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/DS-ST
Ngày 28/5/2020
V/v Tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Út
Ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-DS ngày 07/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Th,** sinh năm 1948 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh T.
Bị đơn: Anh **Trương Văn T,** sinh năm 1974 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày: Ngày 25/9^{al}/2018, anh T tổ chức chơi hụi, bà có tham gia dây hụi tháng với số tiền 5.000.000 đồng, hụi gồm 15 phần, bà Tham gia 01 phần, mỗi tháng khui vào ngày 25^{al}. Dây hụi này bà đã đóng cho anh T được 14 lần, đến tháng 11^{al}/2019 thì mãn hụi, bà hốt hụi chót được số tiền 67.500.000 đồng nhưng anh T không giao mặc dù bà đã đến nhà đòi nhiều lần nên bà yêu cầu anh T trả số tiền 67.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải bà Th thừa nhận còn nợ anh T một phần hụi sống vào tháng trước khi hốt hụi số tiền 3.000.000 đồng, nên bà chỉ yêu cầu anh T giao cho bà số tiền nợ hụi là 64.500.000 đồng.

Bị đơn anh Trương Văn T xác định bà Th có chơi hụi do anh làm đầu thảo và hốt được số tiền 67.500.000 đồng (sau khi trừ tiền hoa hồng). Nhưng bà Th còn nợ lại anh phần hụi sống của tháng trước khi hốt (do anh không gom) số tiền 3.000.000 đồng. Nay bà Th yêu cầu anh trả số tiền 64.500.000 đồng, anh đồng ý, tuy nhiên con bà Th còn nợ anh số tiền hụi 68.500.000 đồng (do trước đây ông

K, bà Th có nói sẽ bảo lãnh số nợ trên) nhưng giờ không tác động để con ông bà trả cho anh, khi nào con bà Th trả tiền cho anh thì anh sẽ giao hụi cho bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Th yêu cầu anh Trương Văn T trả số tiền nợ hụi, nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo quy đinh tại Điều 471 của Bộ Luật Dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện bà Phạm Thị Th yêu cầu anh Trương Văn T giao hụi với số tiền 67.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà Th chỉ yêu cầu anh T giao 64.500.000 đồng, giao một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của bà Th là có căn cứ vì trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đã thừa nhận bà Th có tham gia chơi hụi do anh làm đầu thảo, hụi gồm 15 phần, hụi 5.000.000 đồng và bà Th hốt chót được số tiền 67.500.000 đồng. Tuy nhiên, tháng trước khi hốt do anh T không gom hụi nên bà Th chưa đóng 01 phần hụi sống với số tiền 3.000.000 đồng, do đó số tiền anh chưa giao là 64.500.000 đồng. Lý do đến nay anh vẫn chưa giao tiền hụi cho bà Th là vì con bà Th còn nợ anh số tiền 68.500.000 đồng, phần nợ này trước đây ông K (chồng bà Th) có nói sẽ bảo lãnh cho con ông với bà Th nhưng giờ không tác động để con ông bà trả cho anh số tiền trên, nên khi nào con bà Th trả tiền cho anh thì anh sẽ giao tiền hụi cho bà Th. Tại phiên tòa, anh T cũng thừa nhận việc ông K (chồng bà Th) có hứa bảo lãnh số nợ cho con ông nhưng anh không có chứng cứ để chứng minh, bà Th thì không thừa nhận nên việc anh T không giao tiền hụi cho bà Th là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hụi viên là bà Th. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th.

Đối với lời trình bày của anh T, cho rằng trước đây ông K có bảo lãnh số tiền nợ cho anh Đặng Văn H, sinh năm 1970 (là con của ông K và bà Th) nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh và cũng không ai yêu cầu đưa họ vào tham gia tố tụng và số nợ hụi mà anh T chưa giao cho bà Th không có liên quan gì đến anh Hoàng và ông K nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết đưa những người này tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Án phí: Anh Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471 và 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th.

Buộc anh Trương Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Th số tiền 64.500.000 (Sáu mươi bốn triệu, năm trăm ngàn) đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trương Văn T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí: Anh Trương Văn T phải chịu 3.225.000 (Ba triệu, hai trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Phượng